TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG

Tuần 44, 24 - 28/10/2022

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH

"Một tuần nhiều thách thức với chứng khoán Việt nhưng ngưỡng tâm lý 1,000 điểm đã được giữ vững"

Chứng khoán toàn cầu có tuần giao dịch trái chiều, khi sự khởi sắc phần lớn đến từ thị trường Âu – Mỹ, trong khi, mức tiêu cực bị chi phối bởi thị trường Trung Quốc. Phố Wall nối dài đà tăng bất chấp số liệu kém tích cực từ nhóm cổ phiếu công nghệ. Sự lạc quan về đồng USD, lợi suất trái phiếu hạ nhiệt cùng với kỳ vọng các Ngân hàng trung ương lớn sẽ bớt thắt chặt tiền tệ hơn, đồng ngĩa tăng lại suất chậm lại đã tạo động lực giúp chỉ số tiếp tục chinh phục các mức cao hơn. Khép lại tuần qua, Dow Jones, S&P 500 tăng lần lượt 5.7% và 4.0%. Chứng khoán châu Âu cũng có tuần phục hồi tốt với Stoxx Euro 600 tăng mạnh 3.7%. Chứng khoán châu Á phân hóa, khi Nikkei tăng nhẹ 0.8%, còn Shanghai mất 4.1%, Hang Seng cũng rơi 8.3% trong bối cảnh Đại hội lần thứ 20 của Đảng Cộng sản Trung Quốc chủ yếu tập trung vào thay đổi nhân sự cấp cao trong Bộ Chính trị.

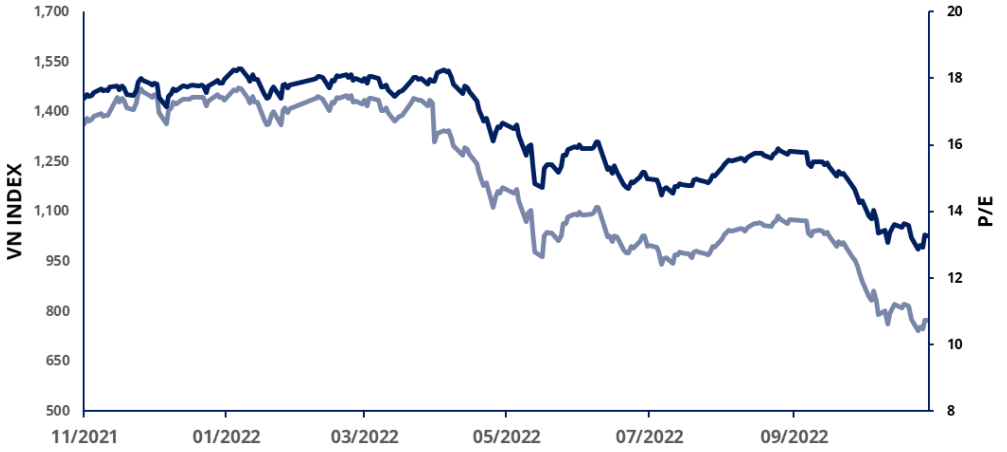
Dầu thô có tuần giao dịch khả quan khi đồng USD suy yếu, với WTI phục hồi lên quanh mức 88 USD/thùng. Chỉ số Dollar (DXY) mất ngưỡng 111 cùng với lợi suất trái phiếu kỳ hạn 10 năm của Mỹ lùi về mức 4%. Thị trường tiền số cũng hòa chung đà tăng với Bitcoin leo thang lên mức 20,800 USD.

Chứng khoán Việt Nam có tuần biến động mạnh, khi xuất hiện nhiều tin đồn ảnh hưởng tâm lý nhà đầu tư. Chỉ số có lúc rơi mất ngưỡng 1,000 điểm về mức 960 điểm nhưng đã cân bằng và đóng cửa tuần trong sắc xanh. Kết tuần, VN-Index tăng nhẹ 7.5 điểm (+0.74%) lên mức 1,027 điểm; HNX-Index vẫn còn giảm 3.7 điểm (-1.69%) về 214 điểm. Đa số nhóm ngành giao dịch giằng co, nhóm ngân hàng đóng vai trò dẫn dắt, bên cạnh là các cổ phiếu trụ như VNM, BVH. Nhóm Bất động sản, xây dựng ở chiều giảm điểm tiêu cực. Nhà đầu tư nước ngoài tiếp tục bán ròng. Tâm điểm tuần sau sẽ xoay quanh cuộc họp chính sách của FED và lộ trình lãi suất cũng sẽ được hé lộ. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng theo dõi chặt chẽ các cuộc họp của ngân hàng trung ương ở Anh quốc, Úc, và Na Uy.

Góc nhìn và khuyến nghị: Mặc dù chứng khoán toàn cầu đa phần giao dịch khởi sắc, nhưng bối cảnh dòng tiền nội địa suy yếu cùng với tâm lý NĐT thận trọng làm cho chỉ số khó khăn trong việc đi lên. Dù vậy, Vnindex vẫn kết tuần trên ngưỡng 1,000 điểm cho thấy mức hỗ trợ tâm lý này vẫn đang phát huy vai trò khá tốt. Các chỉ báo kĩ thuật cải thiện sẽ ủng hộ thêm cho quán tính phục hồi. Nhìn chung, sự rung lắc còn tiếp diễn, nhưng các thông tin kém tích cực với thị trường dường như đã được phản ánh và chiết khấu lên giá. Do vậy, kịch bản phục hồi có xác suất cao hơn, với kháng cự gần nhất cho nhịp hồi là ngưỡng 1,080 điểm. NĐT có thể tích lũy vị thế ở nhịp điều chỉnh với tỷ trọng nhỏ và hạn chế hưng phấn.

Dữ liệu thị trường tuần		% Thay đổi					Định giá		
Tên chỉ số	Giá đóng cửa	1W	1M	3M	YTD	Xu hướng	P/E	P/B	Vốn hóa (Tỷ USD)
VN-Index	1,027	0.7	-9.3	-14.8	-31.4		10.7	1.7	165
Upcom Index	76	-3.2	-10.4	-15.1	-32.5		12.1	1.4	40
HNX Index	214	-1.7	-14.6	-25.9	-54.9		13.5	1.2	10
VN30 Index	1,029	1.9	-10.6	-16.4	-33.0		8.8	1.6	116
S&P 500 Index	3,901	4.0	8.8	-5.5	-18.2		19.0	3.9	34,175
STOXX Europe 600 Index	411	3.7	5.9	-6.3	-15.8		14.0	1.7	11,300
Hang Seng	14,863	-8.3	-13.7	-26.3	-36.5		5.7	0.6	2,080
Nikkei 225	27,105	0.8	4.5	-2.5	-5.9		26.8	1.6	3,196
SHCOMP Index	2,916	-4.1	-3.6	-10.4	-19.9		12.9	1.3	5,666
STI Index	3,059	3.0	-2.3	-4.7	-2.1		11.3	1.0	335
KOSPI Index	2,268	2.5	5.2	-7.5	-23.8		10.1	0.8	1,216

Biểu đồ VN Index và chỉ số P/E trong 1 năm



Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

WEEKLY SNAPSHOT
Theo vốn hóa và ngành

Theo giá trị vốn hóa

Giá trị vốn hóa	1W	1M	YTD	% Thay đổi GTGD 1W	% Thay đổi GTGD 1M	% Thay đổi GTGD 3M	% Tỷ trọng GTGD Current	% Tỷ trọng GTGD Change	Định giá P/E	Định giá P/B	Vốn hóa (Tỷ VND)
Large Cap	1.4	-8.1	-27.6	5.8	-5.7	-17.0	68.4	1.1	10.7	1.7	3,507,978
Mid Cap	-2.6	-14.0	-37.3	0.3	-14.9	-41.5	29.8	-1.1	10.9	1.1	511,667
Small Cap	-3.9	-17.0	-48.3	6.9	-15.0	-54.4	1.8	0.0	12.1	0.6	72,416

Theo ngành

Tên ngành	1W	1M	YTD	% Thay đổi GTGD 1W	% Thay đổi GTGD 1M	% Thay đổi GTGD 3M	% Tỷ trọng GTGD Current	% Tỷ trọng GTGD Change	Định giá P/E	Định giá P/B	Vốn hóa (Tỷ VND)
Ngân hàng	5.9	-6.3	-27.1	24.2	-0.3	0.3	20.1	3.2	7.1	1.3	1,259,950
Hàng Tiêu dùng	1.6	-5.3	-19.2	-9.3	-18.8	-38.2	11.3	-1.7	14.8	2.5	569,904
Tiện ích Cộng đồng	1.0	-4.6	8.6	-9.6	-24.7	-48.7	2.1	-0.3	13.1	2.1	319,733
Công nghệ Thông tin	0.8	-8.4	-9.5	-12.8	-24.1	-40.3	1.1	-0.2	15.4	2.7	94,732
Nguyên vật liệu	-1.0	-17.2	-46.8	-4.5	-8.5	-26.7	16.5	-1.5	6.4	1.1	281,448
Dịch vụ Tiêu dùng	-1.5	-11.4	-25.3	-2.7	-8.4	-27.5	5.3	-0.4	n.a	3.7	199,078
Dược và Y tế	-2.1	-4.4	-21.9	88.3	43.3	-14.6	0.2	0.1	13.0	1.8	30,417
Công nghiệp	-3.6	-11.9	-30.5	-6.3	-19.6	-43.6	9.4	-1.0	11.0	1.0	208,884
Tài chính	-3.7	-12.6	-39.4	15.6	-2.9	-27.0	31.8	3.2	16.1	1.5	1,020,217
Dầu khí	-7.8	-10.8	-41.8	-37.7	-26.0	-32.3	2.1	-1.4	52.7	1.8	47,103

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

WEEKLY SNAPSHOT

Sự dịch chuyển của dòng vốn & Giao dịch giữa các nhóm nhà đầu tư

Tên ETF	Tài sản (Triệu USD)	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
		1W	1M	3M	YTD
Tổng các quỹ ETF	**2,436**	**16.92**	**86.57**	**117.4**	**220.1**
Nước ngoài	**1,466**	**15.61**	**79.29**	**118.4**	**285.6**
VanEck Vectors Vietnam ETF	311	4.04	25.91	19.4	3.4
Fubon FTSE Vietnam ETF	497	11.57	54.95	71.2	509.4
iShares MSCI Frontier and Select EM ETF	307	0.00	0.00	0.0	-49.4
Xtrackers FTSE Vietnam Swap ETF	228	0.00	-0.86	30.3	-71.8
KIM KINDEX Vietnam VN30 ETF	93	0.00	0.00	-3.2	-110.6
Premia MSCI Vietnam ETF	18	0.00	-0.70	0.5	0.1
KIM KINDEX Vietnam VN30 Future	3	0.00	0.00	0.0	-8.5
Asian Growth CUBS ETF	10	0.00	0.00	0.2	13.0
Trong nước	**971**	**1.30**	**7.28**	**-1.0**	**-65.5**
DCVFM VN Diamond ETF	568	0.00	0.00	0.0	-122.5
DCVFM VN30 ETF Fund	267	1.88	10.34	-5.3	0.0
SSIAM VNFIN LEAD ETF	95	-0.48	-3.15	3.2	0.1
MAFN VN30 ETF	25	-0.10	-0.10	0.9	44.1
SSIAM VNX50 ETF	9	0.00	0.18	0.2	2.3
VinaCapital VN100 ETF	4	0.00	0.00	0.0	0.0
SSIAM VN30 ETF	3	0.00	0.00	0.00	10.6

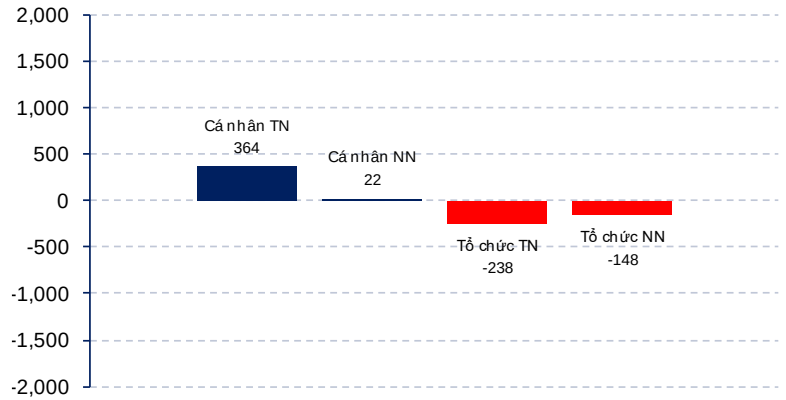
Quốc gia	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
	WTD	MTD	QTD	YTD
Trung Quốc	n.a	67,469	31,492	-85,296
Ấn độ	465	-5	-5	-22,559
Indonesia	274	668	668	5,504
Nhật Bản	-2,416	9,930	9,930	-8,423
Maylaysia	55	-133	-133	1,461
Philippines	-6	-12	-12	-1,236
Hàn Quốc	800	1,949	1,949	-11,568
Sri Lanka	3	7	7	43
Đài Loan	-217	-3,192	-3,192	-47,759
Thái Lan	223	117	117	4,635
Việt Nam	-148	-79	-79	-132

Chú thích:

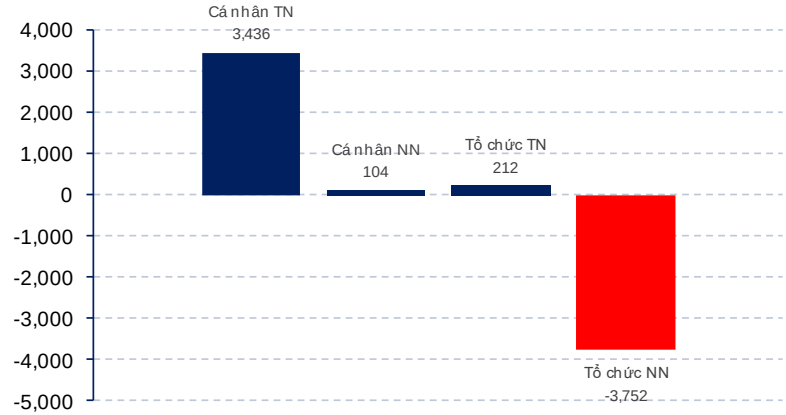
-WTD: từ đầu tuần
-MTD: từ đầu tháng
-QTD: từ đầu quý
-YTD: từ đầu năm

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Tuần trước đó



Tuần vừa qua



Shinhan Securities

WEEKLY SNAPSHOT
Top cổ phiếu đáng chú ý

HSX

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	ST8	Công nghệ Thông tin	7.89 - 26.85	7.9	-20.78%
2	SMC	Tài nguyên Cơ bản	9.90 - 44.83	10.1	-17.21%
3	DIG	Bất động sản	17.75 - 102.62	19.0	-13.44%
4	HUB	Xây dựng và Vật liệu	14.58 - 37.50	17.0	-13.30%
5	PDN	Sản xuất nông nghiệp	88.30 - 142.00	108.2	-12.81%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
20.86%	11.3	9.10 - 23.69	Ngân hàng	LPB
19.72%	26.1	10.45 - 38.00	Xây dựng và Vật liệu	CKG
18.95%	35.2	29.00 - 42.70	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	PAC
16.76%	10.8	8.80 - 23.21	Công nghệ Thông tin	ITD
15.48%	35.2	15.65 - 63.00	Bất động sản	LHG

HNX

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	TTZ	Xây dựng và Vật liệu	2.40 - 9.40	2.7	-18.18%
2	MHL	Tài nguyên Cơ bản	5.40 - 11.20	5.9	-18.06%
3	HLD	Bất động sản	22.70 - 57.00	26.0	-17.20%
4	NDX	Xây dựng và Vật liệu	5.00 - 15.00	5.2	-13.33%
5	V21	Xây dựng và Vật liệu	4.00 - 19.70	4.0	-13.04%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
44.95%	28.7	15.40 - 28.70	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	PRC
16.62%	6.9	4.17 - 13.50	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	PCT
15.34%	18.8	8.80 - 48.90	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	PBP
14.86%	8.5	5.10 - 19.90	Xây dựng và Vật liệu	MST
14.44%	21.4	18.00 - 30.00	Truyền thông	DAD

Upcom

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	SQC	Tài nguyên Cơ bản	4.10 - 56.60	4.1	-45.33%
2	TOW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	15.30 - 26.00	15.3	-38.06%
3	HD2	Bất động sản	10.20 - 32.60	13.7	-31.50%
4	EIN	Bất động sản	3.20 - 22.70	3.4	-30.61%
5	SHC	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	7.10 - 15.90	7.1	-29.00%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
45.14%	20.9	9.00 - 20.90	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	LAW
42.86%	50.0	21.00 - 50.00	Xây dựng và Vật liệu	LAI
38.10%	5.8	3.70 - 9.40	Xây dựng và Vật liệu	CT6
37.78%	12.4	6.30 - 16.90	Thực phẩm và đồ uống	BBM
34.48%	11.7	8.70 - 19.90	Tài nguyên Cơ bản	PIS

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Top 10 cổ phiếu có giá trị giao dịch thay đổi đột biến so với tuần liền trước

STT	Mã	Tên công ty	Ngành	Giá trị giao dịch		Giá cổ phiếu		
				TB Ngày (Triệu VND)	%1W	Giá	Biến động 52 tuần	%1W
1	VPD	Phát triển Điện lực Việt Nam	Thực phẩm và đồ uống	5,722.0	517.9	25.5	15.45 - 26.00	3.0
2	DBD	Dược - TB Y tế Bình Định	Y tế	11,047.5	439.2	38.9	37.08 - 48.80	-1.4
3	SCS	DV Hàng hóa Sài Gòn	Du lịch và Giải trí	3,070.1	161.4	72.7	67.50 - 98.11	0.3
4	EIB	Eximbank	Ngân hàng	50,643.4	93.3	39.4	23.00 - 42.40	7.1
5	VRE	Vincom Retail	Bất động sản	33,168.5	92.2	23.7	21.40 - 37.00	-1.3
6	CHP	Thủy điện Miền Trung	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	887.5	78.8	25.0	20.75 - 27.50	0.4
7	TMS	Transimex	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	800.9	73.7	67.0	60.50 - 124.90	-2.9
8	TDP	Công ty Thuận Đức	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	1,732.8	57.5	28.6	21.10 - 31.20	5.9
9	KSB	Khoáng sản Bình Dương	Tài nguyên Cơ bản	33,383.0	46.9	16.5	15.35 - 53.70	-11.8
10	DHC	Đông Hải Bến Tre	Tài nguyên Cơ bản	8,051.3	45.9	49.9	48.80 - 96.80	-6.7

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Tỷ giá

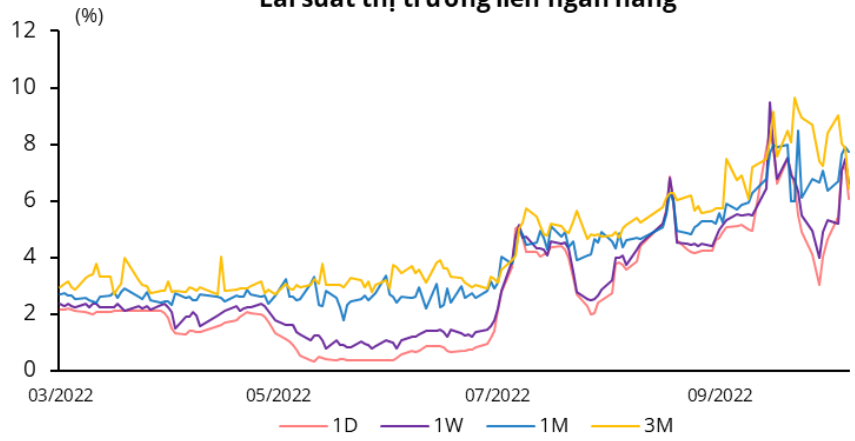
	Giá	%1W	%1M	%3M	%YTD	Trend
Dollar index	110.75	-1.12	-1.64	4.14	15.76	
VND/USD	24,828	0.64	4.58	6.28	8.77	
KRW/USD	1,421.60	-1.29	-1.29	9.40	19.57	
JPY/USD	147.60	-0.03	2.39	9.93	28.26	
EUR/USD	1.00	-1.04	-2.31	2.34	14.12	
SGD/USD	1.41	-0.31	-1.68	2.24	4.58	
CNY/USD	7.25	0.30	0.72	7.49	14.10	

Hàng hóa

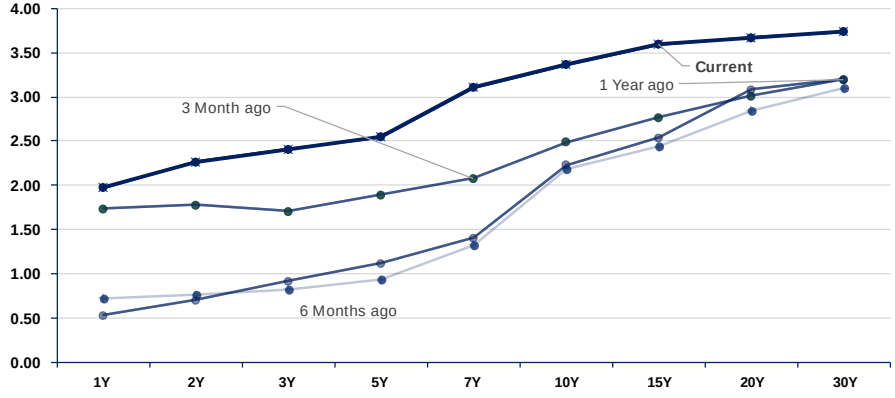
	Giá	%1W	%1M	%3M	%YTD	Trend
Dầu thô	87.90	3.35	7.00	-8.84	16.87	
Xăng	290.66	9.19	12.75	-16.11	30.43	
Gas	5.68	14.62	-17.24	-30.12	52.39	
Than	374.00	-4.10	-14.22	-9.09	120.52	
Vàng	1,644.86	-0.77	-0.91	-6.32	-10.08	
Bạc	19.26	-0.83	1.90	-3.76	-17.37	
Platinum	947.97	1.41	9.41	6.37	-2.14	
Quặng sắt	93.01	-1.95	-5.59	-12.99	-17.32	
Thép cán	3,797.00	-2.01	-5.52	-2.74	-20.05	
Lúa mì	829.25	-2.53	-8.19	1.50	7.59	
Ngô	680.75	-0.51	1.53	10.69	14.75	
Gỗ	467.00	-13.36	7.90	-12.99	-59.32	

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Lãi suất thị trường liên ngân hàng



Đường cong lãi suất trái phiếu chính phủ Việt Nam



TG đáo hạn	1 Yr	2 Yrs	3 Yrs	5 Yrs	7 Yrs	10 Yrs	15 Yrs	20 Yrs	30 Yrs
Lãi suất	1.98	2.27	2.41	2.54	3.11	3.37	3.59	3.67	3.74
Thay đổi (BPS)	2.50	5.40	10.70	0.20	-3.30	-5.30	-4.30	-0.20	-0.44

Thông báo Tuân thủ

- Tôi/chúng tôi, với tư cách là chuyên viên/các chuyên viên chuẩn bị bản báo cáo này, cam kết nội dung trình bày ở trên phản ánh chính xác quan điểm của tôi/chúng tôi về các chủ đề chứng khoán và tổ chức phát hành được thảo luận trong bài nghiên cứu. Hơn nữa, tôi/chúng tôi cũng xác nhận rằng bài báo cáo này được soạn thảo mà không phải chịu bất kỳ áp lực hoặc sự can thiệp bất hợp lí nào từ bên ngoài.
- Bản báo cáo này là tài liệu tham khảo cho đầu tư dựa trên các dữ liệu trong quá khứ, vì thế những biến động giá cổ phiếu trong tương lai có thể khác với các xu hướng đã được hình thành.
- Các dữ liệu này phản ánh chính xác quan điểm của người phụ trách nghiên cứu và phân tích về chứng khoán của doanh nghiệp, nhưng các quan điểm và những ước tính này có thể có sai sót. Vì vậy, việc lựa chọn cổ phiếu và đưa ra quyết định đầu tư cuối cùng nên phụ thuộc vào chính mỗi nhà đầu tư.
- Các dữ liệu nghiên cứu và phân tích chỉ được gửi tới cho khách hàng của chúng tôi, do đó không được phép sao chép, chuyển tiếp, hay gửi lại cho các đơn vị khác trong mọi trường hợp mà chưa được sự cho phép của chúng tôi.

Miễn trừ trách nhiệm

- Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing dành cho thị trường / chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi Phòng Phân Tích của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiên và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.
- Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình, các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.
- Bản quyền ⓒ 2020 của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.